TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 78/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2018
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Nguyên Khoa**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Phương Thanh**
2. Ông **Trần Văn Hưng**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Bảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*: Không tham dự.

Trong ngày 24/8/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/7/2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Uông Sỹ T**, sinh năm 1979 (xin vắng)
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
2. *Bị đơn*: Chị **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1983 (xin vắng)
Địa chỉ: Số 155A/11, ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2018 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Uông Sỹ T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày*:

Anh Uông Sỹ Tân và chị Lê Thị Kim N qua quen biết tìm hiểu nhau khoảng thời gian 01 năm rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Uông Thị Yến N, sinh ngày 29/9/2000 hiện tại đang sống chung với chị N và cháu Uông Sỹ T, sinh ngày 02/5/2004 hiện đang sống chung với anh T tại tỉnh Bình Phước.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với gia đình bên chồng tại tỉnh Bình Phước cho đến năm 2009 thì vợ chồng cùng với các con về huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cất nhà ở. Đến khoảng năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau và từ đó anh T đưa cháu Uông Sỹ T cùng về Bình Phước sinh sống cho đến nay xem như vợ chồng ly thân nhau. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị N và khi ly hôn, giữa anh T và chị N thỏa thuận theo nguyện vọng của 02 con mong muốn sống chung với cha hay mẹ nhằm đảm bảo trong việc học hành của 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong biên bản hòa giải ngày 20/7/2018, bị đơn Lê Thị Kim N trình bày*:

Chị N và anh Uông Sỹ T qua quen biết tìm hiểu nhau khoảng thời gian 01 năm rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn theo luật định. Thời gian chung sống có 02 con chung là Uông Thị Yến N, sinh ngày 29/9/2000 hiện tại đang ở chung với chị N và Uông Sỹ T, sinh ngày 02/5/2004 hiện đang ở chung với anh T tại tỉnh Bình Phước.

Sau khi cưới nhau, vợ chồng về sống chung với gia đình anh T tại tỉnh Bình Phước cho đến năm 2009 thì vợ chồng cùng với các con về huyện Long Hồ cất nhà ở. Khoảng năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh T không quan tâm đến gia đình vợ con dẫn đến cự cải với nhau, từ đó anh T đưa cháu Uông Sỹ T cùng về tỉnh Bình Phước sinh sống làm ăn cho đến nay. Đối với việc đăng ký kết hôn thì chị N cũng không biết rõ, vì mọi việc liên hệ về giấy tờ đều do anh T đi làm. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý và hơn nữa vợ chồng cũng không có đăng ký kết hôn.

Về con chung, chị N và anh T sẽ thỏa thuận theo nguyện vọng của 02 cháu là chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Uông Thị Yến N, sinh ngày 29/9/2000 và anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Uông Sỹ T, sinh ngày 02/5/2004 để nhằm đảm bảo trong việc học hành hiện nay của 02 cháu. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Các đương sự đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Uông Sỹ T và chị Lê Thị Kim N qua quen biết tìm hiểu nhau khoảng thời gian 01 năm rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán vào năm 1999 và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh Uông Sỹ T và chị Lê Thị Kim N là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giữa anh T và chị N thỏa thuận là giao cháu Uông Thị Yến N, sinh ngày 29/9/2000 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu và giáo dục và giao cháu Uông Sỹ T, sinh ngày 02/5/2004 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục, đồng thời hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thỏa thuận này là đúng theo nguyện vọng của hai cháu và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh T và chị N đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Uông Sỹ T và chị Lê Thị Kim N là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao cháu Uông Thị Yến N, sinh ngày 29/9/2000 cho chị Lê Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng cháu và giáo dục và giao cháu Uông Sỹ T, sinh ngày 02/5/2004 cho anh Uông Sỹ T tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Uông Sỹ T và chị Lê Thị Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Uông Sỹ T và chị Lê Thị Kim N đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Uông Sỹ T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001676 ngày 13/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên anh T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại nơi cư trú.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện Long Hồ;*
- *THADS huyện Long Hồ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyên Khoa